TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2023/DS - PT
Ngày 12 - 12 - 2023
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung

Ông Phạm Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bé Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc "*Tranh chấp đòi lại tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2023/DS-ST ngày 5 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 153/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 307/2023/QĐ - PT ngày 28 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Bùi Văn N, sinh năm 1978 (vắng mặt)

2. Bà Hồ Kim V, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho ông N, bà V: Ông Huỳnh Tuấn E, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Theo văn bản ủy quyền ngày 26/9/2022) (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Lâm Văn C, sinh năm 1955 (xin xét xử vắng mặt)

2. Bà Phan Thị N1, sinh năm 1962 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Chi Lâm Thị H, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho anh C1, chị H: Chị Phan Thị Cẩm T, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Theo văn bản uỷ quyền ngày 18/11/2022 và ngày 27/11/2023 (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Lâm Văn C, bà Phan Thị N1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn ông Bùi Văn N, bà Hồ Kim V, lời khai của anh Huỳnh Tuấn E làm đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Do quen biết nên vợ chồng bà Hồ Kim V, ông Bùi Văn N có cho vợ chồng ông Lâm Văn C và bà Phan Thị N1 vay 02 lần số tiền là 150.000.000 đồng, lãi 8.000 đồng/1.000.000đồng/tháng, cụ thể: Lần 01 vào ngày 14/11/2018 cho vợ chồng ông C và bà N1 vay số tiền 50.000.000 đồng và lần 02 ngày 22/11/2018 cho vợ chồng ông C và bà N1 vay số tiền 100.000.000 đồng. Việc vay tiền này không có làm giấy tờ mà bà Hồ Kim V có ghi vào sổ theo dõi nhưng do là chỗ quen biết nên không có yêu cầu bà N1 ký nhận tiền. Khi vay tiền bà N1 nói sử dụng tiền để đáo hạn ngân hàng khoản 1 tuần sẽ trả lại. Sau khi vay tiền một thời gian khá lâu mà không thấy ông C, bà N1 trả số tiền đã vay nên bà V đã nhiều lần đến nhà yêu cầu ông C, bà N1 trả số tiền còn nợ nhưng bà N1, ông C không chịu trả. Ngày 21/6/2022, vợ chồng bà Hồ Kim V có làm đơn yêu cầu gửi đến chính quyền địa phương để nhờ giải quyết. Tại biên bản hòa giải ngày 09/9/2022 của Tổ hòa giải ấp R thể hiện bà N1 thừa nhận có vay của vợ chồng bà V số tiền là 150.000.000 đồng nhưng bà N1 cho rằng đã đưa tiền cho con rể là Nguyễn Văn C1 và con gái Lâm Thị H đến nhà trả cho vợ chồng bà V nhưng sự thật là không có trả tiền cho vợ chồng bà V. Nay bà Hồ Kim V, ông Bùi Văn N yêu cầu ông Lâm Văn C và bà Phan Thị N1 trả cho bà V, ông N số tiền còn nợ là 150.000.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu trả lãi chậm trả 0,75%/tháng tính từ tháng 01/2019 đến tháng 9/2022 là 64.125.000 đồng (150.000.000 x 0,75% x 57 tháng = 64.125.000 đồng) và tiền lãi phát sinh từ tháng 10/2022 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Theo lời khai của bị đơn bà Phan Thị N1, lời khai của ông Đặng Văn C2 làm đại diện cho bị đơn bà N1 trình bày: Khoảng năm 2018, vợ chồng bà Phan Thị N1 có vay tiền của bà Hồ Kim V 50.000.000 đồng để làm ăn mua bán bò. Sau

khoảng 10 ngày, khi bán được bò bà N1 có đưa tiền 50.000.000 đồng cho con rễ bà N1 là anh Nguyễn Văn C1 để trả cho bà V và bà N1 có gọi điện thoại cho bà V xác nhận trả nợ xong. Sau khoảng 10 ngày sau khi trả 50.000.000 đồng, bà N1 có gọi điện thoại cho bà V vay 100.000.000 đồng để mua bán bò, sau khi vay hơn một tuần bà N1 có đưa tiền 100.000.000 đồng cho con rễ bà N1 là anh Nguyễn Văn C1 để anh C1 đưa cho con ruột bà N1 là chị Lâm Thị H trả cho bà V. Vì chỗ hai bên quen biết nhau, có thường hay vay tiền nên việc vay mượn và trả số tiền trên hai bên không có làm giấy tờ gì và không ai chứng kiến. Nay vợ chồng bà V kiện đòi vợ chồng ông C, bà N1 trả số tiền 150.000.000 đồng và lãi suất thì ông C, bà N1 không đồng ý vì bà N1 đã trả xong số nợ trên cho bà V và yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu khởi kiện để giải quyết vụ kiện trên.

Bị đơn ông Lâm Văn C trình bày: Ông và bà Phan Thị N1 là vợ chồng, trước đây vợ chồng ông có làm nghề lái bò, thỉnh thoảng vợ ông có vay tiền để mua bán bò còn việc vợ ông có vay tiền của vợ chồng bà V hay không thì ông không biết, cá nhân ông không có vay tiền gì của vợ chồng bà V.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C1 trình bày: Cách nay đã lâu khoảng năm 2018 mẹ vợ anh là bà Phan Thị N1 có đưa cho anh 50.000.000 đồng để nhờ anh trả cho bà Hồ Kim V, sau khi nhận tiền anh đã đưa cho bà V xong, việc giao tiền này hai bên không làm biên nhận và không ai chứng kiến việc anh đưa tiền này cho bà V. Sau khoảng hơn 10 ngày sau khi anh đưa tiền cho bà V thì mẹ vợ anh là bà Phan Thị N1 tiếp tục đưa cho anh số tiền 100.000.000 đồng để nhờ anh giao cho em vợ tên Lâm Thị H (con ruột bà N1) để trả cho bà V và anh đã đưa số tiền 100.000.000 đồng cho chị Lâm Thị H xong còn chị H có trả cho bà V hay không thì anh không biết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lâm Thị H trình bày: Cách nay đã lâu chị không nhớ chính xác, khoảng năm 2018 mẹ chị là bà Phan Thị N1 có đưa cho chị số tiền 100.000.000 đồng từ anh Nguyễn Văn C1 để nhờ bà giao trả cho bà V, sau khi nhận tiền từ anh C1 chị đã trả cho bà V và lãi suất xong, sau đó cùng ngày chị có vay lại của bà V 170.00.000 đồng cho cá nhân chị, số tiền này hiện nay chị đang trả được một phần.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2023/DS-ST ngày 5 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn N, bà Hồ Kim V.

Buộc bà Phan Thị N1, ông Lâm Văn C phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) cho ông Bùi Văn N, bà Hồ Kim V.

2. Đình chỉ đối với phần yêu cầu của nguyên đơn ông Bùi Văn N, bà Hồ Kim V về trả tiền lãi 64.125.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ chập thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, bị đơn ông Lê Văn C3, bà Phan Thị N1 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, anh Huỳnh Tuấn E là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn bà Phan Thị N1 giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng: Bà Phan Thị N1 thừa nhận vợ chồng bà có vay của vợ chồng bà Hồ Kim V, ông Bùi Văn N số tiền 150.000.00 đồng; việc bà N1 cho rằng đã trả số tiền trên cho bà V nhưng bà V không thừa nhận, bà N1 không có chứng cứ chứng minh đã trả số nợ trên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Lâm Văn C vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt ông Lâm Văn C.

[2] Nguyên đơn bà Hồ Kim V, ông Bùi Văn N cho rằng, vào ngày 14/11/2018 vợ chồng ông, bà có cho vợ chồng ông Lâm Văn C và bà Phan Thị N1 vay số tiền 50.000.000 đồng và ngày 22/11/2018 cho vay tiếp số tiền 100.000.000 đồng. Bị đơn bà N1 thừa nhận có vay số tiền trên của vợ chồng bà V, ông N nhưng bà N1 cho rằng đã đưa hai lần tổng cộng số tiền 150.000.000 đồng (lần đầu 50.000.000 đồng, lần thứ hai 100.000.000 đồng) cho con rễ là anh Nguyễn Văn C1 và con gái là chị Lâm Thị H để trả cho bà V. Anh C1 và chị H cũng thừa nhận là có đưa cho bà V số tiền trên (anh C1 đưa 50.000.000 đồng, chị H đưa 100.000.000 đồng) nhưng bà V không thừa nhận có nhận tiền từ anh C1, chị H.

[3] Đối với sổ theo dõi của bà V có ghi chú nội dung: *"chín C - 50 triệu = 14-11"; "chín C - 100 triệu = 22-11-2018"*, ghi chữ "S" (BL 02). Trong quá trình giải quyết giai đoạn sơ thẩm người đại diện hợp pháp của bị đơn bà N1 là ông

Đặng Văn C2 cho rằng bà V ghi chữ "S" và ghi số tiền lãi kèm theo xem như bà N1 đã trả xong số tiền 150.000.000 đồng cho bà V. Còn bà V cho rằng khi cho vay bà không có làm biên nhận mà bà chỉ ghi vào sổ theo thứ tự tên người vay, rồi đến số tiền vay, rồi đến ngày tháng năm vay; còn việc ghi chữ "S" thì bà cho rằng nếu cho vay buổi sáng thì bà ghi chữ "S", còn nếu cho vay buổi chiều thì bà ghi chữ "ch"; khi bên vay trả nợ vay thì bà lấy sổ ra gạch ngang phần tên người vay và số tiền vay. Do bà N1, ông C không có khả năng trả lãi theo thoả thuận nên bà mới ghi vào sổ theo dõi số tiền lãi tính lãi theo lãi suất ngân hàng. Do bà N1, ông C chưa trả số tiền nợ nên bà không có gạch bỏ dòng chữ người vay này trong sổ theo dõi. Qua xem xét nội dung ghi trên trong sổ theo dõi của bà V và lời lý giải của hai bên, Hội đồng xét xử xét thấy với những nội dung trên không đủ cơ sở chứng minh là bà N1 đã trả cho bà V số tiền 150.000.000 đồng. Xét thấy, số tiền vay trên bà Phan Thị N1 thừa nhận vay để mua bán bò, mục đích là làm kinh tế gia đình nên đây là nợ chung của bà Phan Thị N1, ông Lâm Văn C.

[4] Từ những chứng cứ và phân tích trên [2] [3], Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà Phan Thị N1, ông Lâm Văn C là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bà Phan Thị N1, ông Lâm Văn C là người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà N1, ông C.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị N1, ông Lâm Văn C.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2023/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ các Điều 149; Điều 155; Điều 166; Điều 288 và Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn N, bà Hồ Kim V.

Buộc bà Phan Thị N1, ông Lâm Văn C phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) cho ông Bùi Văn N, bà Hồ Kim V.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn N, bà Hồ Kim V yêu cầu bà Phan Thị N1, ông Lâm Văn C trả tiền lãi với số tiền 64.125.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phan Thị N1, ông Lâm Văn C. Ông Bùi Văn N, bà Hồ Kim V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Bùi Văn N, bà Hồ Kim V số tiền tạm ứng án phí 5.353.000 đồng theo biên lai số 0013150 ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà Phan Thị N1, ông Lâm Văn C.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Càng Long;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Hùng